

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 02-12-2022
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Lan Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Thảo;

Ông Nguyễn Thanh Cần.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên tham gia phiên tòa: ông Võ Anh Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 12 năm 2022, tại Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên tiến hành phiên tòa sơ thẩm công khai xét xử vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 239/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2022 về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Đặng Thị Bích H, sinh năm 1982; địa chỉ: tổ 1, ấp Thạnh H, xã T, thị xã T, tỉnh Bình Dương; yêu cầu giải quyết vắng mặt;

- Bị đơn: ông Lê Thanh T, sinh năm 1982, địa chỉ: tổ 2, khu phố C, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương; yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/9/2022, các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Đặng Thị Bích H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: bà Đặng Thị Bích H và ông Lê Thanh T tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn năm 2008 tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Hội, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Chung sống hạnh phúc được 01 năm thì bà H phát hiện ông T thường chơi đánh bài, gây ra số nợ gần 500.000.000 đồng, bà H phải đi làm để trả dần số nợ của ông T. Trong thời gian chung sống ông T có tình cảm người phụ nữ khác, đã bỏ nhà đi sống với người phụ nữ đó 03 năm sau đó quay về xin lỗi bà H và các con để chung sống lại. Vì con, bà H đồng ý bỏ qua mâu thuẫn để hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng sau đó bà H phát hiện ông Lê

Thanh T nghiện ma túy, tiếp tục bỏ nhà đi ra ngoài sống không quan tâm tới cuộc sống gia đình. Hiện nay bà H và ông T không sống chung khoảng 03 tháng, khi bà H nói cho ông T biết nguyện vọng ly hôn, ông T không quan tâm, đồng ý ly hôn. Tình cảm vợ chồng không còn nên bà Đặng Thị Bích H yêu cầu được ly hôn với ông Lê Thanh T.

- Về con chung: bà Đặng Thị Bích H và ông Lê Thanh T có 03 con chung tên Lê S, sinh ngày 23/11/2007, Lê T, sinh ngày 07/10/2008 và Lê A, sinh ngày 19/9/2016. Bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung. Yêu cầu ông T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi 02 con chung Lê T, sinh ngày 07/10/2008 và Lê A, sinh ngày 19/9/2016 mỗi con 2.000.000 đồng/tháng đến khi đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn bà Đặng Thị Bích H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Bị đơn ông Lê Thanh T đồng ý ly hôn và có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt,

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên phát biểu tại phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật đúng theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên.

- Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: hôn nhân giữa bà Đặng Thị Bích H và ông Lê Thanh T là hôn nhân hợp pháp. Bà H và ông T đã sống ly thân hơn 03 tháng, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H và ông T đã trầm trọng, không thể hàn gắn, bà H yêu cầu ly hôn, ông T đồng ý. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đặng Thị Bích H.

Về con chung: bà Đặng Thị Bích H yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung. Hai cháu Lê S, sinh ngày 23/11/2007 và Lê T, sinh ngày 07/10/2008 đều có nguyện vọng được sống cùng bà H. Ông T đồng ý giao 03 con cho bà H nuôi dưỡng nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình giao 03 cháu Lê S, sinh ngày 23/11/2007, Lê T, sinh ngày 07/10/2008 và Lê A, sinh ngày 19/9/2016 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: hiện nay mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng cho 01 con mới đáp ứng được chi phí sinh hoạt ăn, học. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của bà H, buộc ông Lê Thanh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung Lê S, sinh ngày 07/10/2008 và Lê A, sinh ngày 19/9/2016 mỗi cháu 2.000.000 đồng/tháng đến khi đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: nguyên đơn, bị đơn thống nhất không yêu cầu giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng và sự vắng mặt của bà Đặng Thị Bích H, ông Lê Thanh T: Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Lê Thanh T tham gia tố tụng nhưng ông T có đơn yêu cầu giải quyết vụ án vắng mặt, bà H yêu cầu xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự cùng những tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án vắng mặt bà Đặng Thị Bích H và ông Lê Thanh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: bà Đặng Thị Bích H và ông Lê Thanh T tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn năm 2008 tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Hội, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, đây là hôn nhân hợp pháp.

Bà Đặng Thị Bích H và ông Lê Thanh T chung sống không hạnh phúc do ông T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, không chăm sóc vợ con, không quan tâm tới cuộc sống gia đình. Ông T và bà H không còn sống chung khoảng 03 tháng và không có biện pháp hàn gắn hạnh phúc gia đình.

Tòa án đã thông báo và triệu tập ông Lê Thanh T tham gia hòa giải nhằm giải quyết, hàn gắn mâu thuẫn quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông T nhưng ông T chỉ làm bản tự khai đồng ý ly hôn với bà Đặng Thị Bích H, làm đơn yêu cầu giải quyết vụ án vắng mặt, không tham gia hòa giải để hàn gắn hạnh phúc gia đình.

Tại biên bản xác minh ngày 14/11/2022, Ủy ban nhân dân phường Thạnh Phước, thị xã Tân Uyên cho biết bà H và ông T không đề nghị khu phố Cây Chàm hoặc Ủy ban nhân dân phường Thạnh Phước giải quyết mâu thuẫn vợ chồng nên không biết tình trạng hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn dẫn tới ly hôn giữa bà H và ông T.

Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, có nghĩa vụ chung sống với nhau.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà Đặng Thị Bích H và ông Lê Thanh T đã trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bà Đặng Thị Bích H yêu cầu ly hôn, ông Lê Thanh T đồng ý nên có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: bà Đặng Thị Bích H và ông Lê Thanh T có 03 con chung tên Lê S, sinh ngày 23/11/2007, Lê T, sinh ngày 07/10/2008 và Lê A, sinh ngày 19/9/2016.

Bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung. Tại bản tự khai ngày 31/10/2022, ông T đồng ý để 03 con chung được sống với bà Đặng Thị Bích H. Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 31/10/2022, hai con chung của bà H, ông T là Lê S, sinh ngày 23/11/2007 và Lê T, sinh ngày 07/10/2008 đều có nguyện vọng

được sống với bà H. Căn cứ điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử giao 03 con chung nêu trên cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình quy định: cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Bà H yêu cầu ông Lê Thanh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi 02 con chung Lê S, sinh ngày 07/10/2008 và Lê T, sinh ngày 19/9/2016 mỗi tháng 2.000.000 đồng/01 con đến khi đủ 18 tuổi. Ông T trình bày tự thỏa thuận cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

So với mặt bằng chỉ số giá tiêu dùng hiện nay tại địa phương nơi các con của bà H, ông T sinh sống, mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng/01 tháng cho mỗi người con theo yêu cầu của bà H mới đủ chi phí sinh hoạt, học tập cho con chung của bà H, ông T nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản chung và vay nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật và nội dung vụ án.

[7] Về án phí: nguyên đơn bà Đặng Thị Bích H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, ông Lê Thanh T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 238, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ các Điều 19, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 85 và Điều 86 Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị Bích H về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” với bị đơn ông Lê Thanh T.

1.1 Về quan hệ hôn nhân: bà Đặng Thị Bích H được ly hôn với ông Lê Thanh T.

1.2 Về con chung: giao 03 con Lê S, sinh ngày 23/11/2007, Lê T, sinh ngày 07/10/2008 và Lê A, sinh ngày 19/9/2016 cho bà Đặng Thị Bích H trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà Đặng Thị Bích H và ông Lê Thanh T đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con

của người đó. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

2. Về cấp dưỡng nuôi con: buộc ông Lê Thanh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) một tháng cho 01 con đến khi 02 cháu Lê S, sinh ngày 07/10/2008 và Lê T, sinh ngày 19/9/2016 đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con được thực hiện từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi với số tiền chậm thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

1.3 Về tài sản chung và vay nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: bà Đặng Thị Bích H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0006302, ngày 10/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên.

Án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ: ông Lê Thanh T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên.

3. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết công khai hoặc tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Tân Uyên;
- Chi cục THADS thị xã Tân Uyên (để thi hành);
- UBND xã Thạnh Hội, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đỗ Thị Lan Hương